TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
**HỘI ĐỒNG KIỂM TRA NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026*

# DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5 (C1 THEO CEFR)
# ĐỢT 05 NĂM 2026
## (Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

**Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 5 (Tương đương C1 theo CEFR)** **Ngày kiểm tra: 31/05/2026**

**Phòng kiểm tra: C1.PT01** **CBCKTr1:** ……..... **Ký tên:**…….....

**Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)** **CBCKTr2:** ……..... **Ký tên:**…….....

**Chiều 13:30 - 16:30 (Nghe - Đọc - Viết)**

| STT | Số báo danh | MSSV | Họ | Tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chữ ký thí sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VHU.TAC1.05.001 | 201A140310 | Nguyễn Nhật | Anh | 01/08/2002 | Lâm Đồng | | |
| 2 | VHU.TAC1.05.002 | 221A140238 | Lê Thị Kim | Anh | 14/04/2004 | Đồng Tháp | | |
| 3 | VHU.TAC1.05.003 | 231A140371 | Phan Như | Bình | 30/03/2005 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 4 | VHU.TAC1.05.004 | 221A140086 | Đào Phương Thùy | Dương | 01/06/2004 | Lâm Đồng | | |
| 5 | VHU.TAC1.05.005 | 201A140260 | Lê Thị Huỳnh | Giao | 31/03/2002 | An Giang | | |
| 6 | VHU.TAC1.05.006 | 221A140402 | Lê Thị Ngọc | Hà | 24/06/2004 | Lâm Đồng | | |
| 7 | VHU.TAC1.05.007 | 221A140057 | Nguyễn Ngọc Kim | Hân | 29/10/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 8 | VHU.TAC1.05.008 | 221A140465 | Hà Ngọc Khải | Hiền | 03/05/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 9 | VHU.TAC1.05.009 | 191A140233 | Lê Nguyễn Hoàng | Huy | 01/09/2001 | Lâm Đồng | | |
| 10 | VHU.TAC1.05.010 | 221A140476 | Nguyễn Công | Lại | 27/11/2004 | Lâm Đồng | | |
| 11 | VHU.TAC1.05.011 | 221A140170 | Phạm Nguyễn Kiều | Linh | 01/09/2004 | Khánh Hòa | | |
| 12 | VHU.TAC1.05.012 | 221A140532 | Lê Thuỳ | Linh | 22/01/2004 | Lâm Đồng | | |
| 13 | VHU.TAC1.05.013 | 221A080383 | Phạm Thị Trúc | Linh | 24/08/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 14 | VHU.TAC1.05.014 | 221A140511 | Trần Thị Thu | Loan | 18/02/2004 | An Giang | | |
| 15 | VHU.TAC1.05.015 | 191A140196 | Nguyễn Ngọc Tường | My | 11/03/2000 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 16 | VHU.TAC1.05.016 | 211A170107 | Trần Thị Ngọc | Ngân | 15/10/2003 | Đồng Tháp | | |
| 17 | VHU.TAC1.05.017 | 191A140106 | Mai Thanh | Ngân | 19/04/2001 | Vĩnh Long | | |
| 18 | VHU.TAC1.05.018 | 221A140415 | Trần Thảo | Ngân | 05/12/2004 | Gia Lai | | |
| 19 | VHU.TAC1.05.019 | 231A140452 | Phùng Kim | Nghi | 14/02/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 20 | VHU.TAC1.05.020 | 201A140055 | Lê Trọng | Nhân | 22/02/2002 | Vĩnh Long | | |
| 21 | VHU.TAC1.05.021 | 221A140154 | Võ Ý | Nhi | 06/08/2004 | Cà Mau | | |
| 22 | VHU.TAC1.05.022 | 201A140179 | Nguyễn Thị Tuyết | Nhi | 20/05/2002 | Vĩnh Long | | |
| 23 | VHU.TAC1.05.023 | 211A140046 | Võ Phan Huỳnh | Như | 09/10/2003 | Tây Ninh | | |

| STT | Số báo danh | MSSV | Họ | Tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chữ ký thí sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 24 | VHU.TAC1.05.024 | 221A140428 | A | Nưk | 07/11/2003 | Gia Lai | | |
| 25 | VHU.TAC1.05.025 | 221A140231 | Đỗ Ngọc Uyên | Phương | 20/11/2004 | Tây Ninh | | |
| 26 | VHU.TAC1.05.026 | 221A140258 | Nguyễn Thị Thu | Quế | 26/07/2004 | Đồng Tháp | | |
| 27 | VHU.TAC1.05.027 | 221A140060 | Nguyễn Kim | Quỳnh | 30/11/2004 | Khánh Hòa | | |
| 28 | VHU.TAC1.05.028 | 211A140428 | Lưu Thuỳ Phúc | Tâm | 02/08/2003 | Lâm Đồng | | |
| 29 | VHU.TAC1.05.029 | 221A140140 | Nguyễn Hải | Tần | 22/03/2004 | Cà Mau | | |
| 30 | VHU.TAC1.05.030 | 211A140358 | A | Thăng | 20/09/1996 | Quảng Ngãi | | |
| 31 | VHU.TAC1.05.031 | 221A140525 | Thái Đan | Thanh | 30/09/2004 | An Giang | | |
| 32 | VHU.TAC1.05.032 | 211A140330 | Võ Thiên | Thanh | 08/04/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 33 | VHU.TAC1.05.033 | 221A140393 | Lê Thiên | Thành | 04/06/2004 | Lâm Đồng | | |
| 34 | VHU.TAC1.05.034 | 221A140120 | Phan Thị Mai | Thảo | 30/01/2004 | Đồng Tháp | | |
| 35 | VHU.TAC1.05.035 | 221A140247 | Nguyễn Lê Thanh | Thảo | 09/05/2004 | Lâm Đồng | | |
| 36 | VHU.TAC1.05.036 | 221A140421 | Ngô Thanh | Thảo | 11/08/2004 | An Giang | | |
| 37 | VHU.TAC1.05.037 | 221A140480 | Lê Nguyễn Thanh | Thảo | 23/03/2004 | Lâm Đồng | | |
| 38 | VHU.TAC1.05.038 | 201A140360 | Đào Ngọc Minh | Thư | 20/11/2002 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 39 | VHU.TAC1.05.039 | 221A140433 | A | Thuên | 01/09/2004 | Quảng Ngãi | | |
| 40 | VHU.TAC1.05.040 | 221A140463 | Đặng Nguyễn Hoài | Thương | 05/09/2004 | Khánh Hòa | | |
| 41 | VHU.TAC1.05.041 | 221A140412 | Nguyễn Bình Phương | Thùy | 07/10/2004 | Khánh Hòa | | |
| 42 | VHU.TAC1.05.042 | 221A140172 | Nguyễn Đặng Lam | Thuyên | 07/06/2004 | Đồng Tháp | | |
| 43 | VHU.TAC1.05.043 | 211A140433 | Trần Ngô | Tin | 06/04/2003 | Khánh Hòa | | |
| 44 | VHU.TAC1.05.044 | 221A140187 | Phan Nguyễn Ngọc | Trân | 29/04/2004 | Đồng Tháp | | |
| 45 | VHU.TAC1.05.045 | 221A170003 | Phan Thị Quế | Trân | 27/10/2002 | Đồng Tháp | | |
| 46 | VHU.TAC1.05.046 | 211A140412 | Lê Vũ Đoan | Trang | 12/07/2003 | Đồng Nai | | |
| 47 | VHU.TAC1.05.047 | 201A140350 | Trần Nguyệt Huyền | Trang | 06/12/2002 | Lâm Đồng | | |
| 48 | VHU.TAC1.05.048 | 221A140436 | Nguyễn Thị Thanh | Tuyền | 05/11/2004 | Đồng Nai | | |
| 49 | VHU.TAC1.05.049 | 201A140063 | Huỳnh Thị Lâm | Vi | 04/08/2002 | Gia Lai | | |
| 50 | VHU.TAC1.05.050 | 221A140382 | Lê Bùi Phương | Vy | 05/03/2004 | Đồng Tháp | | |
| 51 | VHU.TAC1.05.051 | 221A140549 | Nguyễn Ngọc Xuân | Vy | 31/05/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 52 | VHU.TAC1.05.052 | 211A140387 | Lê Mỹ | Xuyên | 07/11/2003 | An Giang | | |
| 53 | VHU.TAC1.05.053 | 221A140049 | Nguyễn Ngọc Như | Ý | 15/11/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | | |

| STT | Số báo danh | MSSV | Họ | Tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chữ ký thí sinh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Tổng số thí sinh theo danh sách:……

Số thí sinh dự kiểm tra:……..……

Số thí sinh vắng kiểm tra:…...……

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA**

**NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**